

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01988

Trang 1/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hành vi tổ chức (208422) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 13/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (30%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12122096	ĐỖ HOÀI ANH	DH12TM	1		2,4	1	4,8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11122055	VÕ THỊ NGỌC ANH	DH11QT	1		3,0	1	5,7	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10122010	VÕ THỊ TUYẾT ANH	DH10QT	1		1,8	1	5,1	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11164006	ĐÀO THỊ BÌNH	DH11TC	1		2,7	1	5,1	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10155014	NGUYỄN THỊ VIỆT BÌNH	DH10KN	1		2,3	1	5,4	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11155011	NGUYỄN PHÚC CẢNH	DH11KN	1		2,4	1	5,4	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12122294	ĐÀO BÍCH CHI	DH12TM	1		2,4	1	5,1	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12122076	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	DH12QT	1		2,7	1	6,0	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11122004	ĐỖ HUỲNH THÚY DUYÊN	DH11QT	1		3,0	1	6,0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11122063	LÊ HOÀNG THỤY MỸ DUYÊN	DH11QT	1		2,6	1	5,4	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12122010	LÊ NGỌC DƯ	DH12QT	1		2,4	1	5,4	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12122123	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH12TM	1		2,4	1	5,1	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10164008	TRẦN THỊ KHÁNH HÀ	DH10TC	1		2,7	1	5,7	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11122134	HUỲNH THỊ HÀO	DH11QT	2		3,0	1	6,0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11122068	CHU THỊ MINH HẰNG	DH11QT	1		2,7	1	5,7	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11122050	ĐỒNG THỊ THANH HẰNG	DH11QT	1		2,9	1	5,7	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11122070	PHẠM THỊ THÚY HẰNG	DH11QT	1		2,4	1	5,4	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11122041	TRÀ THỊ MỸ HIỀN	DH11QT	1		2,6	1	5,1	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 75; Số tờ: 80

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

TS. Trần Đình Lý

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 18 tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01988

Trang 2/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hành vi tổ chức (208422) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 13/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (30%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (6,9%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11150085	VÕ THỊ HIỀN	DH11TM	1		0	1	5,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12122104	NGUYỄN THỊ HOA	DH12TM	1		2,6	1	5,7	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12122142	HỒNG THANH	DH12TC	1		2,7	1	5,7	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10122062	NGUYỄN THIỆU	DH10QT	1		2,6	1	5,4	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11122073	VÕ THỊ THU	DH11QT	1		3,0	1	6,0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10122069	TRẦN MẠNH	DH10QT	1		2,1	1	4,8	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11122077	TRỊNH NGUYỄN THU	DH11QT	1		3,0	1	6,0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11122078	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	DH11QT	1		2,4	1	5,7	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10122073	NGUYỄN THỊ KIM	DH10QT	1		2,4	1	5,7	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11122014	PHẠM THỊ MỸ	DH11QT	1		2,6	1	6,0	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12122024	NGUYỄN BẢO	DH12TC	1		2,6	1	5,7	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11122015	NGUYỄN TRỊNH XUÂN	DH11QT	1		2,7	1	5,7	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11122016	TRẦN MINH	DH11QT	1		2,7	1	5,4	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11122018	TRẦN ĐỨC	DH11QT	1		2,6	1	5,7	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11150045	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11TM	1		2,3	1	5,2	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12122161	ĐÌNH THUY	DH12TM	1		2,7	1	5,4	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11122081	PHẠM HÀ KIM	DH11QT	1		3,0	1	6,0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11150091	LƯƠNG THỊ BÍCH	DH11TM	1		2,6	1	6,0	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 35; Số tờ: 20

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. Trần Đình Lý

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 18 tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01988

Trang 3/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hành vi tổ chức (208422) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 13/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (30%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10164020	HUỖNH THANH MAI	DH10TC	1	<i>mai</i>	2,7	1	5,4	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12122174	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DH12TM	1	<i>ph</i>	2,6	1	5,4	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12122175	TRẦN HUỖNH TRÀ	DH12TM	1	<i>mi</i>	2,7	1	5,4	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12122108	NGUYỄN THỊ TUYẾT	DH12TC	1	<i>tuyết</i>	3,0	1	6,0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12155151	NGUYỄN THỊ	DH12KN	1	<i>ng</i>	2,7	1	6,0	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12122302	NGUYỄN THỊ HƯNG	DH12TM	1	<i>nh</i>	2,3	1	5,2	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11122087	LƯU THỊ BÍCH	DH11QT	1	<i>bb</i>	2,4	1	5,1	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11122028	THÁI NHƯ	DH11QT	1	<i>nh</i>	2,6	1	5,7	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11122088	LÊ THỊ HẠNH	DH11QT	1	<i>ng</i>	2,9	1	5,7	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11122138	TẶNG THỊ	DH11QT	1	<i>ng</i>	2,6	1	5,4	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	10122107	NGUYỄN THỊ	DH10QT	1	<i>nt</i>	2,1	1	5,4	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12122188	NGUYỄN THỊ	DH12TM	1	<i>ng</i>	2,6	1	5,4	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12122189	MAI THỊ KIM	DH12QT	2	<i>kh</i>	2,7	1	6,0	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11122089	LÊ THỊ THANH	DH11QT	1	<i>nh</i>	3,0	1	5,4	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12122191	TRẦN THỊ ÁI	DH12TM	1	<i>nh</i>	2,4	1	4,8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	10122110	BÙI THỊ ÁNH	DH10QT	1	<i>ah</i>	2,6	1	5,7	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11122096	ĐÀO THỊ HOÀNG	DH11QT	1	<i>ho</i>	2,9	1	5,7	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12122043	NGUYỄN NGỌC KIM	DH12TM	1	<i>kh</i>	3,0	1	6,0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 75; Số tờ: 80

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ha
Đàm Thị Hải An
Mu
Ng T. Ruy

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. *Trần Đình Lý*

Cán bộ chấm thi 1&2

Ph
Hoàng Thế Anh

Ngày 18 tháng 02 năm 2014

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01988

Trang 4/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hành vi tổ chức (208422) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 13/01/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (30%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	12122044	NGUYỄN XUÂN QUANG	DH12QT	1	<i>Quang</i>	2,7	1	4,8	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11122051	NGUYỄN THỊ TRÚC	DH11QT	1	<i>Trúc</i>	3,0	1	5,4	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12122309	TRẦN THỊ MINH	DH12TM							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11164009	VÕ THỊ MINH	DH11TC	1	<i>m3</i>	2,6	1	5,7	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11122111	PHẠM QUỐC THÁI	DH11QT	1	<i>Thái</i>	2,7	1	5,1	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12122081	NGUYỄN QUANG THANH	DH12TC	1	<i>Thanh</i>	2,6	1	5,1	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11122106	NGUYỄN THỊ THANH	DH11QT	1	<i>Thị</i>	2,7	1	5,7	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11122043	TRẦN THỊ THANH	DH11QT	1	<i>Thanh</i>	3,0	1	6,0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11122035	NGUYỄN KHÂM THIÊN	DH11QT	1	<i>Khâm</i>	2,6	1	5,7	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11164030	NGUYỄN THỊ THU	DH11TC	2	<i>Thu</i>	2,7	1	6,0	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12122058	BÙI THỊ TRIỀU	DH12TC	1	<i>Triều</i>	2,6	1	5,4	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12122313	PHAN THỊ THÙY	DH12TC	1	<i>Thùy</i>	3,0	1	5,4	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11122120	ĐẶNG TRẦN THÙY	DH11QT	1	<i>Thùy</i>	2,7	1	5,7	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11164044	NGÔ THỊ HUYỀN	DH11TC	2	<i>Huyền</i>	3,0	1	6,0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	12122252	NGUYỄN THỊ BÍCH	DH12TC	1	<i>Bích</i>	0	1	6,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	11122054	NGUYỄN THỊ QUYỀN	DH11QT	1	<i>Quyền</i>	3,0	1	6,0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	11150077	DƯƠNG VĂN TRỌNG	DH11TM	1	<i>Trọng</i>	2,7	1	6,0	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12155066	VÕ QUỐC TRUNG	DH12KN	1	<i>Trung</i>	2,7	1	5,7	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 75; Số tờ: 80

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Hải Yến
Nguyễn Thị Quy

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. Trần Đình Lý

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Hoàng Thu Linh

Ngày 18 tháng 02 năm 2014

Th. Hoàng Thế Vinh